

Số: 637 /QĐ-UBND

Bình Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách  
xã Bình Yên quý II năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND xã Bình Yên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước xã Bình Yên năm 2026 (Lần thứ 01);*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Bình Yên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Bình Yên quý II năm 2026

*(Theo Thuyết minh và các biểu kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã, thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính Thái Nguyên;
- TT Đảng ủy - Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể TP xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thu Hoài**



## THUYẾT MINH

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi Ngân sách Nhà nước xã Bình Yên Quý II năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 637/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND xã Bình Yên)

#### **1. Triển khai thực hiện Nghị quyết HĐND xã Bình Yên về nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2026**

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028.

Ngay sau khi có Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh, UBND xã đã ban hành Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Bình Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà năm 2026 của UBND xã và Sau khi có Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 21/5/2026 của Hội đồng nhân dân xã Bình Yên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước xã Bình Yên năm 2026 (Lần thứ 01); UBND xã đã ban hành Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND xã Bình Yên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước xã Bình Yên năm 2026 (Lần thứ 01);

#### **2. Nguyên tắc xây dựng dự toán**

- Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT, chi thường xuyên ngân sách nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch, tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung chi đầu tư phát triển; đảm bảo các chế độ, chính sách an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trật tự an toàn xã hội.

#### **3. Đánh giá kết quả thực hiện thu chi NSNN Quý II năm 2026**

##### **3.1. Dự toán thu ngân sách nhà nước**

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn; chủ động rà soát các nguồn thu, xây dựng kế hoạch thu chi tiết theo từng sắc thuế. Các khoản thu cơ bản được tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định, bám sát dự toán được giao.

\* Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 Sau điều chỉnh lần 1 của xã là: 171.188,1 triệu đồng, thu NSNN trên địa bàn quý II đạt 135.889,4 triệu đồng. Trong đó:

- + Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt: 3.763,3 triệu đồng.
- + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt: 1.149,9 triệu đồng.
- + Lệ phí trước bạ: 1.698,9 triệu đồng
- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 56,939 triệu đồng
- + Thuế thu nhập cá nhân đạt: 561,045 triệu đồng.
- + Thu phí, lệ phí đạt: 157,777 triệu đồng
- + Thu khác ngân sách đạt: 238,5 triệu đồng.
- + Thu tiền sử dụng đất đạt: 5.612,9 triệu đồng.
- + Thu cân đối đạt: 52.424,8 triệu đồng.
- + Thu có mục tiêu đạt: 66.565,6 triệu đồng.

### **3.2. Chi ngân sách nhà nước**

Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của xã: 171.188,1 triệu đồng. Kết quả thực hiện chi NSNN Quý II đạt: 75.688,2 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt: 3.279,8 triệu đồng.
- Chi thường xuyên đạt: 72.185,3 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách: 223,0 triệu đồng

Nhìn chung chi ngân sách xã quý II cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước trên địa bàn, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chính sách khác theo quy định. Kết quả các đơn vị trên địa bàn xã đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, quản lý, điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, cắt giảm nhưng nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách.

Đối với chi đầu tư phát triển (chi đầu tư xây dựng cơ bản): thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong quý II năm 2026, chi đầu tư phát triển trên địa bàn xã cơ bản được triển khai theo kế hoạch vốn đã được giao, tập trung vào các công trình chuyển tiếp và một số dự án khởi công mới phục vụ phát triển hạ tầng

## TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 637/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND xã Bình Yên)

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung                                          | Dự toán ( Sau điều chỉnh bổ sung lần 1) | Ước thực hiện          |                           | Ước Quý so (%) |                  |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|---------------------------|----------------|------------------|
|     |                                                   |                                         | Quý II                 | Lũy kế hết ngày 30/6/2026 | Dự toán        | Cùng kỳ năm 2025 |
| A   | B                                                 | 1                                       | 2                      | 3                         | 4              | 5                |
| A   | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>                 | <b>9.120.000.000</b>                    | <b>9.491.968.133</b>   | <b>9.491.968.133</b>      | <b>104,08</b>  |                  |
| I   | Thu nội địa                                       | 9.120.000.000                           | 9.491.968.133          | 9.491.968.133             | 104,08         |                  |
| B   | <b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>              | <b>171.188.127.000</b>                  | <b>126.961.027.189</b> | <b>126.961.027.189</b>    | <b>74,16</b>   |                  |
| I   | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp                 | 8.225.000.000                           | 7.970.574.849          | 7.970.574.849             | 96,91          |                  |
| II  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                 | 162.963.127.000                         | 118.990.452.340        | 118.990.452.340           | 73,02          |                  |
| 1   | Thu bổ sung cân đối ngân sách                     | 97.083.000.000                          | 52.424.820.000         | 52.424.820.000            | 54,00          |                  |
| 2   | Thu bổ sung có mục tiêu                           | 65.880.127.000                          | 66.565.632.340         | 66.565.632.340            | 101,04         |                  |
| 3   | Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang            | 4.722.561.916                           | 4.722.561.916          | 4.722.561.916             | 100,00         |                  |
| 4   | Thu kết dư                                        | 2.684.510.608                           | 2.684.510.608          | 2.684.510.608             | 100,00         |                  |
| III | Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang            |                                         |                        |                           |                |                  |
| C   | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                              | <b>178.595.199.524</b>                  | <b>75.904.829.736</b>  | <b>75.904.829.736</b>     | <b>42,50</b>   |                  |
| I   | Chi cân đối ngân sách địa phương                  | 178.595.199.524                         | 75.904.829.736         | 75.904.829.736            | 42,50          |                  |
| 1   | Chi đầu tư phát triển                             | 4.296.000.000                           | 3.279.891.435          | 3.279.891.435             | 76,35          |                  |
| 2   | Chi thường xuyên                                  | 164.304.127.000                         | 72.185.310.301         | 72.185.310.301            | 43,93          |                  |
| 3   | Dự phòng NSNN                                     | 2.588.000.000                           | 223.000.000            | 223.000.000               | 8,62           |                  |
| 4   | Chi chuyển nguồn                                  | 4.722.561.916                           | 216.628.000            | 216.628.000               | 4,59           |                  |
| 5   | Chi kết dư                                        | 2.684.510.608                           | 0                      | 0                         | 0,00           |                  |
| 6   | Các nhiệm vụ chi khác                             |                                         |                        |                           |                |                  |
| II  | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP |                                         |                        |                           |                |                  |

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 637/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND xã Bình Yên)

Đơn vị: đồng

| STT              | Nội dung                                                   | Dự toán                | Ước thực hiện          |                              | Ước Quý so (%) |                     |
|------------------|------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------------|----------------|---------------------|
|                  |                                                            |                        | Quý II                 | Lũy kế hết ngày<br>30/6/2026 | Dự toán        | Cùng kỳ năm<br>2025 |
| A                | B                                                          | 1                      | 2                      | 3                            | 4              | 5                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                            | <b>179.490.199.524</b> | <b>135.889.492.997</b> | <b>135.889.492.997</b>       | <b>75,71</b>   |                     |
| <b>A</b>         | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>                          | <b>9.120.000.000</b>   | <b>9.491.968.133</b>   | <b>9.491.968.133</b>         | <b>104,08</b>  |                     |
| <b>I</b>         | <b>Thu nội địa</b>                                         | <b>6.120.000.000</b>   | <b>3.878.988.033</b>   | <b>3.878.988.033</b>         | <b>63,38</b>   |                     |
| 1                | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý | 73.000.000             | 3.763.383              | 3.763.383                    | 5,16           |                     |
| 2                | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh                    | 1.602.000.000          | 1.149.917.599          | 1.149.917.599                | 71,78          |                     |
| 3                | Lệ phí trước bạ                                            | 3.100.000.000          | 1.698.903.076          | 1.698.903.076                | 54,80          |                     |
| 4                | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                           | 45.000.000             | 56.939.757             | 56.939.757                   | 126,53         |                     |
| 5                | Thuế thu nhập cá nhân                                      | 860.000.000            | 561.045.944            | 561.045.944                  | 65,24          |                     |
| 6                | Phí, lệ phí                                                | 320.000.000            | 157.777.000            | 157.777.000                  | 49,31          |                     |
| 7                | Thu tiền cho thuê đất                                      | 20.000.000             | 12.124.641             | 12.124.641                   | 60,62          |                     |

|            |                                                               |                        |                        |                        |               |  |
|------------|---------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|---------------|--|
| 8          | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển | 0                      | 0                      | 0                      | 0,00          |  |
| 9          | Thu khác ngân sách                                            | 100.000.000            | 238.516.633            | 238.516.633            | 238,52        |  |
| <b>II</b>  | <b>Thu tiền sử dụng đất</b>                                   | <b>3.000.000.000</b>   | <b>5.612.980.100</b>   | <b>5.612.980.100</b>   | <b>187,10</b> |  |
| <b>B</b>   | <b>THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>                      | <b>170.370.199.524</b> | <b>126.397.524.864</b> | <b>126.397.524.864</b> | <b>74,19</b>  |  |
| <b>I</b>   | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>                      | <b>162.963.127.000</b> | <b>118.990.452.340</b> | <b>118.990.452.340</b> | <b>73,02</b>  |  |
| 1          | Bổ sung cân đối                                               | 97.083.000.000         | 52.424.820.000         | 52.424.820.000         | 54,00         |  |
| 2          | Bổ sung có mục tiêu                                           | 65.880.127.000         | 66.565.632.340         | 66.565.632.340         | 101,04        |  |
| <b>II</b>  | <b>Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang năm nay</b>         | <b>4.722.561.916</b>   | <b>4.722.561.916</b>   | <b>4.722.561.916</b>   | <b>100,00</b> |  |
| <b>III</b> | <b>Thu kết dư năm trước chuyển sang năm nay</b>               | <b>2.684.510.608</b>   | <b>2.684.510.608</b>   | <b>2.684.510.608</b>   | <b>100,00</b> |  |



## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND xã Bình Yên)

Đơn vị: đồng

| STT       | Nội dung                                       | Dự toán                | Ước thực hiện         |                              | Ước Quý so (%) |                     |
|-----------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------|---------------------|
|           |                                                |                        | Quý II                | Lũy kế hết ngày<br>30/6/2026 | Dự toán        | Cùng kỳ năm<br>2025 |
| A         | B                                              | 1                      | 2                     | 3                            | 4=3/1          | 5                   |
|           | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                           | <b>171.188.127.000</b> | <b>75.688.201.736</b> | <b>75.688.201.736</b>        | <b>44,21</b>   |                     |
| <b>A</b>  | <b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>                        | <b>171.188.127.000</b> | <b>75.688.201.736</b> | <b>75.688.201.736</b>        | <b>44,21</b>   |                     |
| <b>I</b>  | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                   | <b>4.296.000.000</b>   | <b>3.279.891.435</b>  | <b>3.279.891.435</b>         | <b>76,35</b>   |                     |
| 1         | Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực     | 4.296.000.000          | 3.279.891.435         | 3.279.891.435                | 76,35          |                     |
| 2         | Chi chương trình mục tiêu quốc gia             |                        |                       |                              |                |                     |
| <b>II</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                        | <b>164.304.127.000</b> | <b>72.185.310.301</b> | <b>72.185.310.301</b>        | <b>43,93</b>   |                     |
|           | <i>Trong đó:</i>                               |                        |                       |                              |                |                     |
| 1         | Chi sự nghiệp giáo dục<br>- đào tạo - dạy nghề | 93.581.000.000         | 40.753.358.286        | 40.753.358.286               | 43,55          |                     |
| 2         | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ,<br>ĐMST, CDS | 656.000.000            | 110.891.200           | 110.891.200                  | 16,90          |                     |
| 3         | Chi Quốc phòng, an ninh, trong đó:             | 3.858.000.000          | 2.294.189.726         | 2.294.189.726                | 59,47          |                     |
| -         | <i>Chi quốc phòng</i>                          |                        | 1.485.323.266         | 1.485.323.266                |                |                     |
| -         | <i>Chi an ninh</i>                             |                        | 808.866.460           | 808.866.460                  |                |                     |

|     |                                                              |                |                |                |        |  |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|--------|--|
| 4   | Sự nghiệp y tế                                               | 7.825.000.000  | 3.352.457.623  | 3.352.457.623  | 42,84  |  |
| 5   | Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin                            | 815.000.000    | 182.384.771    | 182.384.771    | 22,38  |  |
| 6   | Chi sự nghiệp Thể dục thể thao                               | 225.000.000    | 368.546.650    | 368.546.650    | 163,80 |  |
| 7   | Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình                         | 180.000.000    | 42.240.000     | 42.240.000     | 23,47  |  |
| 8   | Chi đảm bảo xã hội                                           | 20.768.000.000 | 10.217.310.282 | 10.217.310.282 | 49,20  |  |
| 9   | Chi sự nghiệp kinh tế                                        | 7.652.832.000  | 1.182.064.332  | 1.182.064.332  | 15,45  |  |
| 10  | Chi sự nghiệp hoạt động môi trường                           | 1.373.000.000  |                |                |        |  |
| 11  | Chi quản lý hành chính<br>NN, Đảng, đoàn thể                 | 27.370.295.000 | 13.641.867.431 | 13.641.867.431 | 49,84  |  |
| 12  | Chi thường xuyên khác<br>(bao gồm chi hỗ trợ hội đặc thù)    |                | 40.000.000     | 40.000.000     |        |  |
| 13  | Chi ngân sách xã                                             |                |                |                |        |  |
| III | Dự phòng ngân sách nhà nước                                  | 2.588.000.000  | 223.000.000    | 223.000.000    | 8,62   |  |
| IV  | Chi chuyển nguồn                                             | 4.722.561.916  | 216.628.000    | 216.628.000    | 4,59   |  |
| V   | Chi kết dư                                                   | 2.684.510.608  |                |                |        |  |
| B   | <b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC<br/>TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b> |                |                |                |        |  |
| 1   | Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm<br>vụ, dự án    |                |                |                |        |  |
| 2   | Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính<br>sách         |                |                |                |        |  |
| 3   | Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc<br>gia          |                |                |                |        |  |

Số: 87 /TB-UBND

*Bình Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2026*

**THÔNG BÁO**

**Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước  
xã Bình Yên quý II năm 2026**

**Kính gửi:**

- Đảng ủy - HĐND xã Bình Yên
- Các tổ chức Chính trị - xã hội xã Bình Yên
- Các Ông (bà) Trưởng xóm trên địa bàn xã Bình Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20/12/2025 của HĐND xã về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Bình Yên;

Căn cứ Quyết định số 990/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND xã Bình Yên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã Bình Yên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 15/07/2026 của UBND xã Bình Yên về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2026.

Ủy ban Nhân dân xã Bình Yên thông báo đến Đảng ủy - HĐND - các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau.

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2026. Bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://binhyen.thainguyen.gov.vn> chuyên mục Công khai ngân sách. Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 10 giờ 20 phút ngày 15 tháng 7 năm 2026 đến 10 giờ 20 ngày 15 tháng 8 năm 2026 (30 ngày liên tục).

2. Các ông (bà) Trưởng xóm thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm về hình thức niêm yết và số liệu công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2026 để nhân dân được biết.

*Gửi kèm Thông báo là Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Bình Yên về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2026.*

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước quý II năm 2026 xã Bình Yên. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy – HĐND xã ;
- Các cơ quan, đơn vị xã;
- 14 ông, bà trưởng xóm;
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thu Hoài**